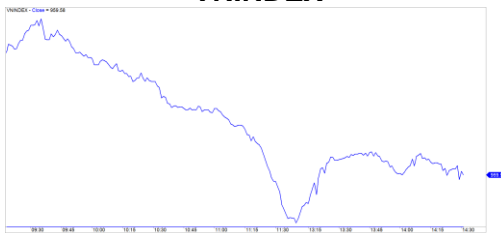


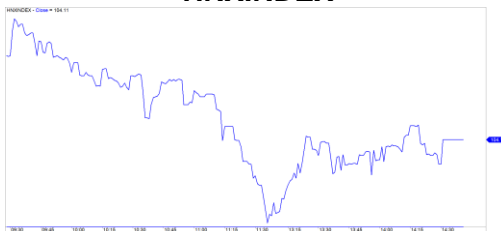
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	959.58	104.11	55.73
% ngày	-3.22%	-2.04%	-0.87%
% tuần	-3.22%	-2.04%	-0.87%
% tháng	-0.56%	1.91%	-0.59%
% năm	4.78%	1.26%	2.67%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,092	346	154
TB 1 tuần	4,092	346	154
TB 1 tháng	3,374	331	233
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	864.58	4.39	37.72
Bán	1,048.90	9.42	29.88
Giá trị ròng	-184.32	-5.03	7.85
Độ rộng TT			
Mã Tăng	79	51	142
Mã Giảm	228	86	103
Không Đổi	82	235	658
Chỉ số chính			
P/E	15.90	8.85	15.66
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,398	196	915
LS Cổ tức	2.32%	4.50%	4.16%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Cùng chung diễn biến với thị trường khu vực, các chỉ số chứng khoán Việt Nam chìm trong sắc đỏ phiên đầu năm Canh Tý. Chỉ số VN-Index đóng cửa tại 959.58 điểm giảm 3.22%. Chỉ số HNX-Index mất 2.04% chốt tại 104.11 điểm. Giá trị giao dịch khớp lệnh tăng mạnh đạt hơn 4,350 tỷ đồng cho thấy lực bán đang áp đảo. Độ rộng thị trường nghiêng về số mã giảm khi VNIndex có 274 mã giảm và 80 mã tăng.

Lực bán lan rộng khi các chỉ số chính đều giảm khá mạnh như VN30-Index giảm 3.66%, VNMID-Index giảm 2.11% và VNSML-Index giảm 1.07%. Nhóm bluechip giảm mạnh nhất và tác động tiêu cực nhất tới thị trường với các cái tên tiêu biểu như MSN(-6.2%), SAB(-6.2%), BID(-5%), VRE(-5.1%), VCB(-4.8%)... Trong nhóm VN30-Index, duy nhất EIB đi ngược dòng tăng 2.9% và SBT, VIC trụ ở mức giá tham chiếu.

Một số cổ phiếu đi ngược thị trường nhưng không nhiều đa phần là nhóm Small-Cap như HSL(+7%), VRC(+6.9%), JVC(+6.9%), HHS(+6.8%), DRH(+6.8%)

Khối ngoại quay sang bán ròng với giá trị 181 tỷ đồng toàn thị trường. VNM(78.6 tỷ), MSN(42.2 tỷ) là các mã bị bán ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, HPG(58.1 tỷ), CTG(46 tỷ) được mua ròng nhiều nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ hồi phục trở lại trong phiên kế tiếp và chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định lại mức 967 điểm. Đồng thời, thị trường có khả năng sẽ bước vào giai đoạn tích lũy và tâm lý cũng đang thận trọng trở lại cho nên chúng tôi đánh giá thị trường sẽ mất thời gian lâu để cân bằng trở lại. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu giảm mạnh cho nên chiến lược ngắn hạn là cơ cấu lại danh mục.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi hạ mức xu hướng ngắn hạn từ TĂNG xuống GIẢM ở các chỉ số chính và duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số VNSmallcaps. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể cơ cấu lại danh mục để đưa tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị.

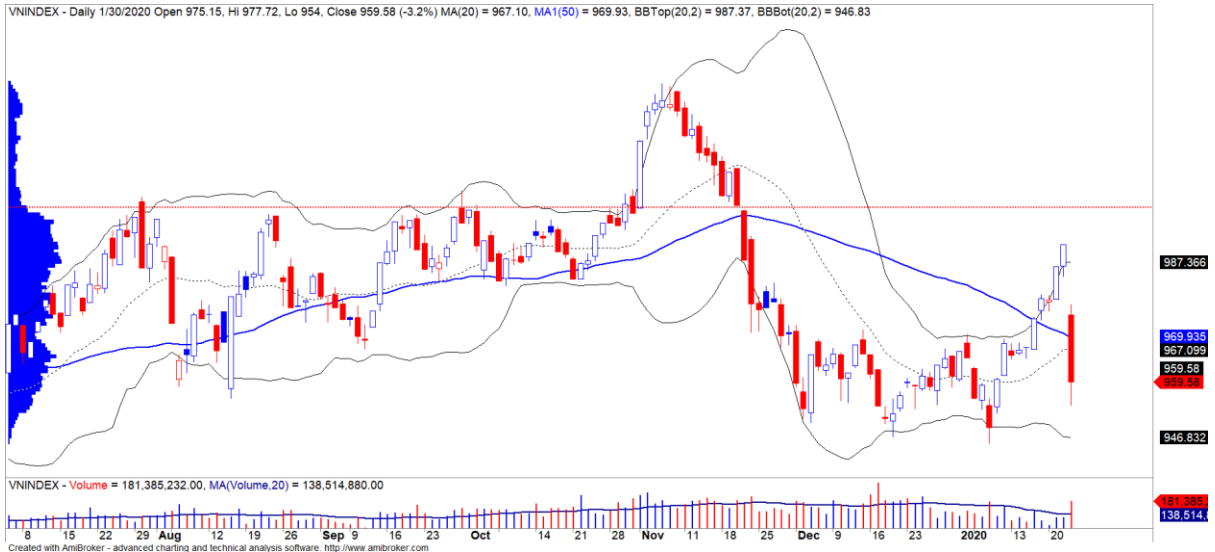
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 34% cổ phiếu/66% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	GIẢM	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.10	TĂNG	GIẢM	12.50	11.96	-3.20%			13.79		
ACB	23.60	GIẢM	TĂNG	23.50	23.61	0.45%	BÁN	24.00	22.57	-1.67%	
ACV	64.40	GIẢM	GIẢM		71.62				78.74		
ANV	20.75	GIẢM	GIẢM		22.70				24.61		
ASM	6.38	TĂNG	GIẢM	6.50	6.12	-1.85%			7.24		
BFC	11.90	TĂNG	GIẢM	12.10	11.62	-1.65%			13.05		
BID	52.70	TĂNG	TĂNG	41.90	51.66	25.78%		33.40	43.80	57.78%	
BMP	44.00	GIẢM	GIẢM		46.38				49.34		
BSR	8.20	TĂNG	GIẢM	8.50	7.72	-3.53%			9.47		
BVH	63.10	GIẢM	GIẢM		68.10				73.44		
BWE	22.00	GIẢM	GIẢM		22.59				24.57		
CEO	8.70	GIẢM	GIẢM		9.29				9.80		
CII	25.00	TĂNG	TĂNG	24.60	24.55	1.63%		26.00	24.76	-3.85%	MUA
CMG	33.40	GIẢM	GIẢM		35.79			23.20	34.96	50.68%	BÁN
CMX	13.40	TĂNG	GIẢM	12.55	11.06	6.77%			18.13		
CSM	13.95	TĂNG	GIẢM	14.30	13.59	-2.45%			14.75		
CTD	52.90	TĂNG	GIẢM	52.70	50.43	0.38%			61.28		
CTG	24.35	TĂNG	TĂNG	20.60	24.09	18.20%		23.55	20.45	3.40%	
CTR	47.00	TĂNG	N/A	44.00	46.95	6.82%		-	N/A		
CVT	20.40	GIẢM	GIẢM	20.95	20.46	-2.33%	BÁN		22.18		
DCM	5.95	GIẢM	GIẢM		6.10				6.65		
DGC	25.60	TĂNG	GIẢM	25.20	24.02	1.59%			26.93		
DGW	24.30	GIẢM	GIẢM	23.25	24.66	6.05%	BÁN	25.20	24.94	-1.01%	MUA
DHA	30.60	TĂNG	GIẢM	31.85	30.41	-3.92%			32.52		
DHC	41.10	TĂNG	TĂNG	39.60	38.34	3.79%		37.70	36.02	9.02%	
DHG	93.00	TĂNG	GIẢM	93.00	90.90	0.00%	MUA		95.90		
DIG	12.55	GIẢM	GIẢM		13.23				14.69		
DPG	30.00	GIẢM	GIẢM		32.84				44.39		
DPM	12.45	GIẢM	GIẢM		13.00				14.05		
DPR	39.00	TĂNG	TĂNG	40.50	38.30	-3.70%		41.30	35.60	-5.57%	
DQC	15.20	GIẢM	GIẢM	16.20	15.62	-3.61%	BÁN		17.29		
DRC	24.70	TĂNG	TĂNG	24.10	24.56	2.49%		21.60	22.06	14.35%	
DXG	12.40	GIẢM	GIẢM		13.61				15.69		
EIB	17.95	TĂNG	TĂNG	17.80	16.75	0.84%		18.40	16.46	-2.45%	
FCN	10.00	TĂNG	GIẢM	10.30	9.81	-2.91%			11.20		



We Create Fortune

FMC	25.90	GIẢM	TĂNG		26.41			31.60	25.00	-18.04%	
FPT	54.70	GIẢM	GIẢM		57.84			46.00	54.99	19.54%	
GAS	92.00	GIẢM	GIẢM		96.30				103.52		
GEX	19.70	TĂNG	GIẢM	20.50	18.98	-3.90%			20.84		
GIL	18.70	TĂNG	GIẢM	17.50	16.21	6.86%			19.37		
GMD	20.50	GIẢM	GIẢM		22.26				23.93		
GTN	18.20	GIẢM	GIẢM		18.76				21.46		
GVR	11.50	TĂNG	N/A	11.70	10.88	-1.71%			N/A		
HAG	3.90	GIẢM	GIẢM		4.08				4.22		
HAX	13.90	GIẢM	GIẢM		14.80				18.67		
HBC	10.90	GIẢM	GIẢM	10.70	10.92	2.03%	BÁN		12.34		
HCM	20.65	GIẢM	GIẢM	21.85	21.03	-3.76%	BÁN		23.40		
HDB	27.95	TĂNG	GIẢM	27.55	27.55	1.45%			29.24		
HDC	21.75	GIẢM	TĂNG		23.29			15.25	21.08	42.62%	
HDG	28.95	GIẢM	GIẢM		31.13				32.97		
HNG	13.90	GIẢM	GIẢM		14.40				15.49		
HPG	25.30	TĂNG	TĂNG	24.00	25.03	5.42%		23.85	22.11	6.08%	
HSG	8.66	TĂNG	TĂNG	8.45	8.21	2.49%		7.75	7.30	11.74%	
HT1	14.80	GIẢM	TĂNG		14.96			16.90	13.91	-12.43%	
HUT	2.30	GIẢM	GIẢM		2.46				2.71		
HVN	30.55	GIẢM	GIẢM		33.17				36.46		
KBC	14.85	GIẢM	TĂNG		16.14			15.35	14.00	-3.26%	
KDH	25.50	GIẢM	TĂNG		26.34			24.00	24.98	6.25%	
KSB	16.40	TĂNG	GIẢM	16.55	15.44	-0.91%			18.65		
LCG	7.22	GIẢM	GIẢM		7.55				8.74		
LDG	7.60	GIẢM	GIẢM		8.15				9.69		
LHG	15.10	GIẢM	GIẢM		16.17				16.89		
LPB	7.60	TĂNG	GIẢM	7.60	7.46	0.00%			8.05		
MBB	21.25	GIẢM	GIẢM	22.00	21.72	-1.25%	BÁN		22.70		
MPC	21.80	TĂNG	TĂNG	24.40	20.82	-10.66%		24.10	19.14	-9.54%	
MSN	50.10	GIẢM	GIẢM		56.66				63.22		
MSR	15.00	TĂNG	GIẢM	14.40	14.77	4.17%			16.05		
MWG	114.00	GIẢM	GIẢM	113.40	115.78	2.10%	BÁN		122.49		
NDN	15.60	TĂNG	GIẢM	16.80	15.04	-7.14%			17.93		
NKG	8.84	GIẢM	TĂNG	7.38	9.13	23.78%	BÁN	7.11	7.13	24.33%	
NLG	27.40	TĂNG	TĂNG	27.05	27.04	1.29%		28.70	26.30	-4.53%	
NT2	19.80	TĂNG	GIẢM	19.80	19.15	0.00%	MUA		21.25		
NTL	22.90	TĂNG	TĂNG	23.20	21.99	-1.29%		24.20	21.14	-5.37%	
NVL	55.10	GIẢM	GIẢM		57.53				59.95		

We Create Fortune

OIL	7.80	GIẢM	GIẢM		8.29				9.54		
PAC	24.60	GIẢM	GIẢM		25.36				27.31		
PC1	17.80	TĂNG	GIẢM	17.85	17.63	-0.28%			19.39		
PDR	26.25	TĂNG	TĂNG	26.50	24.60	-0.94%		29.00	25.19	-9.48%	
PHR	39.00	GIẢM	GIẢM		41.44				46.96		
PLX	55.40	GIẢM	GIẢM	57.30	55.48	-3.17%	BÁN		60.01		
PNJ	87.70	GIẢM	TĂNG	84.70	88.57	4.56%	BÁN	77.07	80.07	13.79%	
POW	11.10	GIẢM	GIẢM		11.31				12.46		
PVT	14.30	GIẢM	GIẢM		15.48				17.49		
PPC	26.45	GIẢM	TĂNG		26.53			28.40	24.39	-6.87%	
PTB	67.00	GIẢM	GIẢM		69.62				74.53		
PVB	17.80	GIẢM	GIẢM		18.15				20.32		
PVD	14.25	GIẢM	GIẢM		15.29				16.61		
PVI	31.20	GIẢM	GIẢM	32.30	31.37	-2.87%	BÁN		33.18		
PVS	17.30	GIẢM	GIẢM		18.74				19.30		
PXS	5.80	TĂNG	TĂNG	5.78	5.63	0.35%		6.20	4.88	-6.45%	
QNS	27.50	TĂNG	GIẢM	27.70	26.68	-0.72%			28.90		
REE	35.80	GIẢM	TĂNG	36.95	35.95	-2.69%	BÁN	33.33	35.23	7.43%	
SAB	218.00	GIẢM	GIẢM	233.50	228.38	-2.19%	BÁN		248.37		
SAM	9.60	TĂNG	TĂNG	8.15	9.10	17.79%		7.40	8.03	29.73%	
SCR	5.21	GIẢM	GIẢM		5.48			6.33	5.26	-16.98%	BÁN
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.22			6.99	8.30	28.76%	
SJS	17.00	TĂNG	TĂNG	17.00	16.46	0.00%		17.00	14.40	0.00%	
SKG	11.80	GIẢM	TĂNG		12.57			12.30	11.66	-4.07%	
SSI	18.50	GIẢM	GIẢM	19.10	18.58	-2.72%	BÁN		19.73		
STB	10.35	GIẢM	GIẢM	10.50	10.42	-0.73%	BÁN		10.80		
TCB	22.90	GIẢM	GIẢM	24.05	23.34	-2.94%	BÁN		24.80		
TCM	22.20	TĂNG	TĂNG	20.95	20.40	5.97%			21.83		
TDH	9.97	GIẢM	GIẢM	10.50	10.03	-4.48%	BÁN		11.10		
TLH	3.77	GIẢM	TĂNG	4.06	3.77	-7.13%	BÁN	4.48	3.49	-15.85%	
TNG	16.30	TĂNG	GIẢM	15.10	15.33	7.95%			16.69		
VCB	88.90	GIẢM	TĂNG	94.50	90.48	-4.25%	BÁN	62.00	83.93	43.39%	
VCG	25.80	TĂNG	TĂNG	25.80	24.54	0.00%		19.20	25.28	34.38%	
VCS	67.80	GIẢM	GIẢM		70.01				81.16		
VGC	18.00	TĂNG	GIẢM	18.40	17.72	-2.17%			18.86		
VGT	8.60	TĂNG	GIẢM	8.90	8.25	-3.37%			8.95		
VHC	37.50	GIẢM	GIẢM		40.57				41.92		
VHM	87.40	TĂNG	GIẢM	86.30	85.23	1.27%			91.72		
VIB	17.30	TĂNG	TĂNG	17.80	17.07	-2.81%		17.70	16.56	-2.26%	

We Create Fortune

VIC	114.90	GIẢM	TĂNG		116.29			112.00	113.76	2.59%	
VIP	5.10	TĂNG	GIẢM	5.10	5.09	0.00%	MUA		5.29		
VJC	140.00	GIẢM	TĂNG	148.20	145.32	-1.94%	BÁN	124.50	139.40	12.45%	
VND	14.95	TĂNG	TĂNG	14.10	14.21	6.03%			14.88		
VNG	19.65	GIẢM	GIẢM		19.73				20.99		
VNM	116.60	GIẢM	GIẢM	121.00	118.62	-1.96%	BÁN		126.45		
VPB	22.70	TĂNG	TĂNG	20.00	22.32	13.50%		21.90	21.28	3.65%	MUA
VPI	42.10	TĂNG	TĂNG	42.45	41.55	-0.82%		41.30	40.13	1.94%	
VRC	7.09	GIẢM	GIẢM		7.71				16.39		
VRE	30.95	GIẢM	GIẢM		33.58			35.05	32.08	-8.48%	
VSC	26.40	TĂNG	TĂNG	25.45	26.40	3.73%		27.00	24.46	-2.22%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.60	GIẢM	TĂNG	23.50	23.61	0.45%	BÁN	24.00	22.57	-1.67%	
BID	52.70	TĂNG	TĂNG	41.90	51.66	25.78%		33.40	43.80	57.78%	
BSR	8.20	TĂNG	GIẢM	8.50	7.72	-3.53%			9.47		
BVH	63.10	GIẢM	GIẢM		68.10				73.44		
CTG	24.35	TĂNG	TĂNG	20.60	24.09	18.20%		23.55	20.45	3.40%	
FPT	54.70	GIẢM	GIẢM		57.84			40.23	54.99	36.70%	
GAS	92.00	GIẢM	GIẢM		96.30				103.52		
GEX	19.70	TĂNG	GIẢM	20.50	18.98	-3.90%			20.84		
GVR	11.50	TĂNG	N/A	11.70	10.88	-1.71%			N/A		
HDB	27.95	TĂNG	GIẢM	27.55	27.55	1.45%			29.24		
HNG	13.90	GIẢM	GIẢM		14.40				15.49		
HPG	25.30	TĂNG	TĂNG	24.00	25.03	5.42%		23.85	22.11	6.08%	
HVN	30.55	GIẢM	GIẢM		33.17				36.46		
KDH	25.50	GIẢM	TĂNG		26.34			24.00	24.98	6.25%	
MBB	21.25	GIẢM	GIẢM	22.00	21.72	-1.25%	BÁN		22.70		
MSN	50.10	GIẢM	GIẢM		56.66				63.22		
MWG	114.00	GIẢM	GIẢM	113.40	115.78	2.10%	BÁN		122.49		
NVL	55.10	GIẢM	GIẢM		57.53				59.95		
OIL	7.80	GIẢM	GIẢM		8.29				9.54		
PLX	55.40	GIẢM	GIẢM	57.30	55.48	-3.17%	BÁN		60.01		
PNJ	87.70	GIẢM	TĂNG	84.70	88.57	4.56%	BÁN	77.07	80.07	13.79%	
POW	11.10	GIẢM	GIẢM		11.31				12.46		

We Create Fortune

QNS	27.50	TĂNG	GIẢM	27.70	26.68	-0.72%			28.90		
REE	35.80	GIẢM	TĂNG	36.95	35.95	-2.69%	BÁN	33.33	35.23	7.43%	
ROS	10.00	GIẢM	GIẢM		12.03				17.85		
SBT	18.60	TĂNG	TĂNG	18.60	18.16	0.00%		17.50	17.46	6.29%	
SSI	18.50	GIẢM	GIẢM	19.10	18.58	-2.72%	BÁN		19.73		
STB	10.35	GIẢM	GIẢM	10.50	10.42	-0.73%	BÁN		10.80		
TCB	22.90	GIẢM	GIẢM	24.05	23.34	-2.94%	BÁN		24.80		
TPB	21.40	TĂNG	GIẢM	21.55	21.21	-0.70%			23.94		
VCB	88.90	GIẢM	TĂNG	94.50	90.48	-4.25%	BÁN	62.00	83.93	43.39%	
VCG	25.80	TĂNG	TĂNG	25.80	24.54	0.00%		18.44	25.28	39.90%	
VCS	67.80	GIẢM	GIẢM		70.01				81.16		
VEA	45.50	TĂNG	GIẢM	45.50	42.41	0.00%			59.45		
VGI	25.50	TĂNG	N/A	25.80	24.39	-1.16%			N/A		
VHM	87.40	TĂNG	GIẢM	86.30	85.23	1.27%			91.72		
VIB	17.30	TĂNG	TĂNG	17.80	17.07	-2.81%		15.00	16.56	15.30%	
VIC	114.90	GIẢM	TĂNG		116.29			112.00	113.76	2.59%	
VJC	140.00	GIẢM	TĂNG	148.20	145.32	-1.94%	BÁN	124.50	139.40	12.45%	
VNM	116.60	GIẢM	GIẢM	121.00	118.62	-1.96%	BÁN		126.45		
VPB	22.70	TĂNG	TĂNG	20.00	22.32	13.50%		21.90	21.28	3.65%	MUA
VRE	30.95	GIẢM	GIẢM		33.58			35.05	32.08	-8.48%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.10	TĂNG	GIẢM	12.50	11.96	-3.20%			13.79		
ANV	20.75	GIẢM	GIẢM		22.70				24.61		
ASM	6.38	TĂNG	GIẢM	6.50	6.12	-1.85%			7.24		
BMI	24.90	TĂNG	TĂNG	25.65	24.53	-2.92%		26.70	23.99	-6.74%	
BMP	44.00	GIẢM	GIẢM		46.38				49.34		
BWE	22.00	GIẢM	GIẢM		22.59				24.57		
CEO	8.70	GIẢM	GIẢM		9.29				9.80		
CII	25.00	TĂNG	TĂNG	24.60	24.55	1.63%		26.00	24.76	-3.85%	MUA
CRE	23.70	GIẢM	TĂNG		24.46			25.00	23.65	-5.20%	
CTI	22.60	TĂNG	GIẢM	21.80	21.07	3.67%			23.07		
CTR	47.00	TĂNG	GIẢM	44.00	46.95	6.82%			48.02		
D2D	59.60	GIẢM	GIẢM		70.26				82.23		
DBD	55.50	GIẢM	GIẢM		55.86				61.32		



We Create Fortune

DCM	5.95	GIẢM	GIẢM		6.10				6.65		
DGW	24.30	GIẢM	GIẢM	23.25	24.66	6.05%	BÁN	25.20	24.94	-1.01%	MUA
DHC	41.10	TĂNG	TĂNG	39.60	38.34	3.79%		37.70	36.02	9.02%	
DIG	12.55	GIẢM	GIẢM		13.23				14.69		
DPG	30.00	GIẢM	GIẢM		32.84				44.39		
DPM	12.45	GIẢM	GIẢM		13.00				14.05		
DRC	24.70	TĂNG	TĂNG	24.10	24.56	2.49%		21.60	22.06	14.35%	
DXG	12.40	GIẢM	GIẢM		13.61				15.69		
E1VFN30	14.60	GIẢM	GIẢM	14.76	14.88	0.79%	BÁN		15.42		
FCN	10.00	TĂNG	GIẢM	10.30	9.81	-2.91%			11.20		
FLC	4.15	GIẢM	TĂNG		4.47			4.63	4.02	-10.37%	
GEG	25.40	GIẢM	GIẢM		26.03			12.50	25.77	106.15%	BÁN
GMD	20.50	GIẢM	GIẢM		22.26				23.93		
GTN	18.20	GIẢM	GIẢM		18.76				21.46		
HAG	3.90	GIẢM	GIẢM		4.08				4.22		
HBC	10.90	GIẢM	GIẢM	10.70	10.92	2.03%	BÁN		12.34		
HCM	20.65	GIẢM	GIẢM	21.85	21.03	-3.76%	BÁN		23.40		
HDC	21.75	GIẢM	TĂNG		23.29			15.25	21.08	42.62%	
HDG	28.95	GIẢM	GIẢM		31.13				32.97		
HPX	26.55	TĂNG	#N/A	27.50	26.12	-3.45%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	8.66	TĂNG	TĂNG	8.45	8.21	2.49%		7.75	7.30	11.74%	
HT1	14.80	GIẢM	TĂNG		14.96			16.90	13.91	-12.43%	
HTM	18.50	TĂNG	TĂNG	16.00	18.38	15.63%		20.00	15.13	-7.50%	
IBC	20.50	GIẢM	GIẢM		20.58				21.22		
IDI	4.85	GIẢM	GIẢM		5.05				5.70		
IJC	14.00	GIẢM	GIẢM		15.00			13.10	14.05	7.27%	
ITA	2.56	GIẢM	GIẢM		2.74				3.05		
KBC	14.85	GIẢM	TĂNG		16.14			14.85	14.00	0.02%	
KDC	19.15	TĂNG	TĂNG	19.50	18.52	-1.79%		20.82	18.08	-8.00%	
KOS	29.40	TĂNG	TĂNG	26.80	27.53	9.70%		26.30	25.86	11.79%	
KSB	16.40	TĂNG	GIẢM	16.55	15.44	-0.91%			18.65		
LDG	7.60	GIẢM	GIẢM		8.15				9.69		
LPB	7.60	TĂNG	GIẢM	7.60	7.46	0.00%			8.05		
MBG	14.00	GIẢM	GIẢM		17.90				32.62		
MBS	14.10	GIẢM	GIẢM	14.70	14.18	-3.55%	BÁN		15.75		
MPC	21.80	TĂNG	TĂNG	24.40	20.82	-10.66%		24.10	19.14	-9.54%	
NBB	19.70	GIẢM	GIẢM		20.91				22.02		
NKG	8.84	GIẢM	TĂNG	7.38	9.13	23.78%	BÁN	7.11	7.13	24.33%	



We Create Fortune

NLG	27.40	TĂNG	TĂNG	27.05	27.04	1.29%		26.28	26.30	4.26%	
NT2	19.80	TĂNG	GIẢM	19.80	19.15	0.00%	MUA		21.25		
NTL	22.90	TĂNG	TĂNG	23.20	21.99	-1.29%		24.20	21.14	-5.37%	
NVB	9.10	GIẢM	TĂNG		9.70			8.50	8.62	7.06%	
OGC	3.60	GIẢM	GIẢM		3.65				3.92		
PC1	17.80	TĂNG	GIẢM	17.85	17.63	-0.28%			19.39		
PDR	26.25	TĂNG	TĂNG	26.50	24.60	-0.94%		23.59	25.19	11.25%	
PHR	39.00	GIẢM	GIẢM		41.44				46.96		
PPC	26.45	GIẢM	TĂNG		26.53			28.40	24.39	-6.87%	
PTB	67.00	GIẢM	GIẢM		69.62				74.53		
PVD	14.25	GIẢM	GIẢM		15.29				16.61		
PVI	31.20	GIẢM	GIẢM	32.30	31.37	-2.87%	BÁN		33.18		
PVS	17.30	GIẢM	GIẢM		18.74				19.30		
PVT	14.30	GIẢM	GIẢM		15.48				17.49		
QCG	3.78	TĂNG	GIẢM	3.89	3.58	-2.83%			4.30		
SCR	5.21	GIẢM	GIẢM		5.48			6.33	5.26	-16.98%	BÁN
SGP	7.00	TĂNG	GIẢM	7.20	6.61	-2.78%			8.69		
SHB	7.50	TĂNG	TĂNG	6.40	7.03	17.19%		7.10	5.90	5.63%	
SHS	7.30	GIẢM	GIẢM		7.81			8.40	7.36	-12.38%	
SZC	15.60	GIẢM	GIẢM		17.00				19.60		
TCH	40.65	TĂNG	TĂNG	30.05	38.76	35.27%		26.15	30.30	55.45%	
TCM	22.20	TĂNG	TĂNG	20.95	20.40	5.97%			21.83		
TDH	9.97	GIẢM	GIẢM	10.50	10.03	-4.48%	BÁN		11.10		
TNG	16.30	TĂNG	GIẢM	15.10	15.33	7.95%			16.69		
TTB	3.80	GIẢM	GIẢM		4.26				6.74		
VGC	18.00	TĂNG	GIẢM	18.40	17.72	-2.17%			18.86		
VGT	8.60	TĂNG	GIẢM	8.90	8.25	-3.37%			8.95		
VHC	37.50	GIẢM	GIẢM		40.57				41.92		
VND	14.95	TĂNG	TĂNG	14.10	14.21	6.03%			14.88		
VNG	19.65	GIẢM	GIẢM		19.73				20.99		
VPI	42.10	TĂNG	TĂNG	42.45	41.55	-0.82%		41.30	40.13	1.94%	



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.20	GIẢM	TĂNG	8.30	8.27	-0.41%	BÁN	9.00	7.48	-8.89%	
AGR	3.41	TĂNG	GIẢM	3.60	3.27	-5.28%			3.93		
AMD	1.82	GIẢM	GIẢM		2.03				2.56		
APG	10.55	TĂNG	TĂNG	8.76	9.54	20.43%		9.90	8.56	6.57%	
ART	2.50	GIẢM	TĂNG		2.63			2.30	2.12	8.70%	
BCG	6.35	GIẢM	GIẢM		6.75				8.08		
C4G	5.90	GIẢM	GIẢM		6.30				6.98		
C69	5.50	GIẢM	GIẢM		6.83				13.27		
CCL	7.00	GIẢM	TĂNG		7.59			7.88	6.27	-11.17%	
CVT	20.40	GIẢM	GIẢM	20.95	20.46	-2.33%	BÁN		22.18		
DAH	8.52	GIẢM	GIẢM		9.72				11.07		
DLG	1.84	GIẢM	GIẢM		2.08			1.71	1.85	8.01%	BÁN
DRH	3.63	TĂNG	GIẢM	3.63	2.90	0.00%	MUA		4.74		
DTD	10.00	GIẢM	GIẢM		10.77				12.54		
EVG	2.52	GIẢM	GIẢM		2.62				2.83		
FIT	8.90	GIẢM	GIẢM		9.86			3.64	8.91	144.80%	BÁN
FTM	1.84	GIẢM	GIẢM		1.97				3.70		
FUES SV50	12.60	GIẢM	GIẢM	12.75	12.86	0.90%	BÁN		13.06		
GKM	15.60	TĂNG	TĂNG	15.00	14.91	4.00%		14.90	14.60	4.70%	
HAH	11.30	GIẢM	GIẢM		11.72				12.87		
HAI	2.60	GIẢM	GIẢM		2.81				3.79		
HAR	3.42	GIẢM	GIẢM		3.46				4.57		
HDA	9.20	GIẢM	GIẢM		9.82				10.95		
HHP	12.70	TĂNG	GIẢM	12.20	12.13	4.10%			13.13		
HHS	3.63	TĂNG	TĂNG	3.40	3.20	6.76%		3.36	2.97	8.04%	
HID	2.37	TĂNG	TĂNG	2.36	2.25	0.42%		2.63	2.16	-9.89%	
HII	9.75	TĂNG	GIẢM	9.75	9.52	0.00%			10.51		
HQC	1.04	GIẢM	GIẢM		1.12				1.27		
HSL	8.00	TĂNG	GIẢM	8.00	7.65	0.00%	MUA		8.54		
HUT	2.30	GIẢM	GIẢM		2.46				2.71		
HVG	8.60	TĂNG	TĂNG	7.82	7.93	9.97%		3.90	6.94	120.51%	
HVH	13.35	GIẢM	GIẢM	15.85	13.46	-15.08%	BÁN		18.30		
IDJ	8.80	TĂNG	TĂNG	6.90	7.87	27.54%		7.20	5.42	22.22%	
JVC	3.25	GIẢM	GIẢM		3.30				4.14		



We Create Fortune

KLF	1.50	GIẢM	TĂNG		1.70			1.50	1.33	0.00%	
LCG	7.22	GIẢM	GIẢM		7.55				8.74		
LGL	7.59	GIẢM	GIẢM		8.16				8.86		
LHG	15.10	GIẢM	GIẢM		16.17				16.89		
LMH	2.72	GIẢM	GIẢM		3.69				8.73		
MST	5.20	GIẢM	TĂNG		5.40			3.40	4.25	52.94%	
NDN	15.60	TĂNG	GIẢM	16.80	15.04	-7.14%			17.93		
PHC	10.75	GIẢM	GIẢM		11.24				11.99		
PLP	9.65	GIẢM	GIẢM		10.03				10.90		
PVB	17.80	GIẢM	GIẢM		18.15				20.32		
PVC	6.50	GIẢM	GIẢM		6.85			6.70	6.66	-0.65%	BÁN
PVX	1.10	GIẢM	GIẢM		1.27				1.45		
PXL	7.90	TĂNG	TĂNG	8.10	7.28	-2.47%		6.70	6.66	17.91%	
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	56.11%	
SJF	1.77	TĂNG	GIẢM	1.77	1.74	0.00%	MUA		2.45		
SPP	1.70	GIẢM	GIẢM		1.92				2.54		
TDC	8.34	TĂNG	GIẢM	8.75	8.27	-4.69%			9.04		
TIG	6.40	GIẢM	TĂNG		6.75			3.20	5.54	100.00%	
TLH	3.77	GIẢM	TĂNG	4.06	3.77	-7.13%	BÁN	4.48	3.49	-15.85%	
TNA	19.45	GIẢM	GIẢM		20.19				24.67		
TNI	10.00	GIẢM	TĂNG		10.62			10.90	9.99	-8.26%	
TSC	2.34	GIẢM	GIẢM		2.63				3.45		
TTF	2.65	TĂNG	GIẢM	2.75	2.61	-3.64%			2.98		
TTH	2.60	TĂNG	GIẢM	2.70	2.49	-3.70%			2.89		
TVC	20.30	GIẢM	TĂNG		21.41			14.30	16.65	41.96%	
VC3	16.60	GIẢM	TĂNG	17.00	16.65	-2.03%	BÁN	22.00	16.32	-24.55%	
VCR	8.30	GIẢM	GIẢM		9.86				15.66		
VNA	2.90	GIẢM	GIẢM		3.13				4.31		
VNE	3.64	GIẢM	GIẢM		3.78				3.70		
VRC	7.09	GIẢM	GIẢM		7.71				16.39		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	959.58	-3.22%	HNI	104.11	-2.04%	UPCoM	55.73	-0.87%
VN30	875.82	-3.66%	HN30	182.13	-2.61%			
VN Mid	922.78	-2.11%	VNX	840.49	-3.12%			
VN Small	744.89	-1.07%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	864.58		Mua	4.39		Mua	37.72	
Bán	1048.9		Bán	9.42		Bán	29.88	
GT ròng	-184.32		GT ròng	-5.03		GT ròng	7.85	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HHS	230	6.76%	DGC	400	1.59%	DVN	1500	14.85%
DHG	5000	5.68%	TAR	300	1.12%	VEA	600	1.34%
FTS	500	4.03%	NVB	100	1.11%	NTC	100	0.06%
NT2	750	3.94%	VCG	100	0.39%	BOT	0	0.00%
EIB	500	2.87%	HUT	0	0.00%	QNS	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HCM	-1550	-6.98%	CSC	-3300	-9.91%	CTR	-4300	-8.38%
ANV	-1550	-6.95%	NDN	-1200	-7.14%	MPC	-1400	-6.03%
NKG	-660	-6.95%	PVS	-1000	-5.46%	ACV	-3600	-5.29%
SMB	-2350	-6.94%	CEO	-400	-4.40%	LPB	-300	-3.80%
D2D	-4400	-6.88%	ACB	-900	-3.67%	GVR	-400	-3.36%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	388,641		ACB	40,585		ACV	147,986	
VCB	346,409		VCG	11,352		VEA	59,692	
VHM	294,083		VCS	11,040		MCH	47,859	
BID	223,222		SHB	9,264		GVR	47,756	
VNM	211,229		PVS	8,747		BCM	30,119	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
HPG	13,028,790	6,640,227	SHB	9,105,370	5,305,746	BSR	3,599,832	2,520,821
CTG	11,342,200	6,365,774	ACB	4,250,097	2,082,794	LPB	1,097,030	458,479
MBB	9,057,740	4,556,139	PVS	3,121,724	2,399,793	VIB	848,096	575,645
HSG	8,308,440	4,736,594	ART	1,868,415	1,433,843	CTR	505,430	297,630
STB	8,264,520	4,660,865	KLF	1,342,500	1,314,961	GVR	372,714	456,568

Nguồn: Bloomberg & YSVN

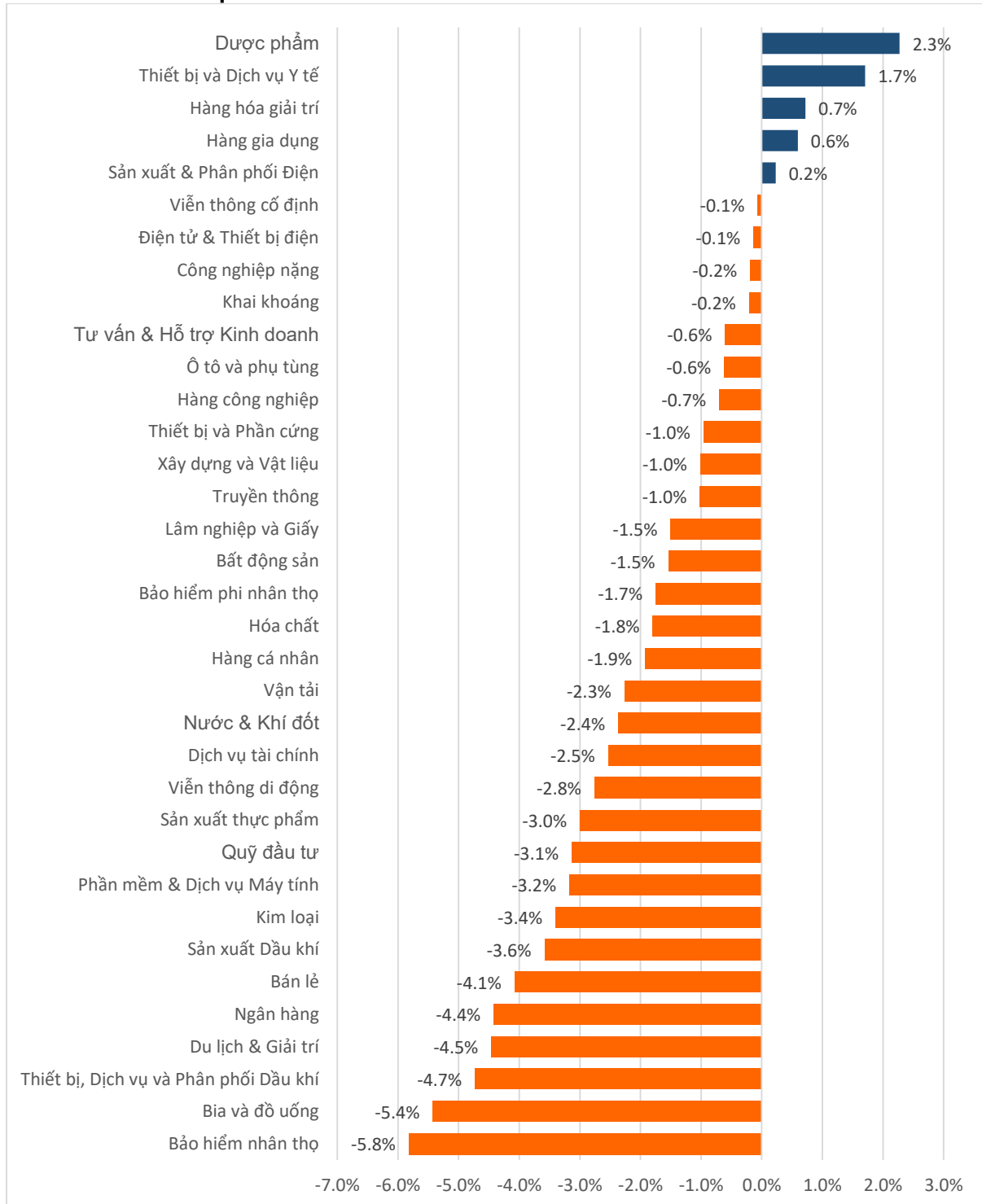
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



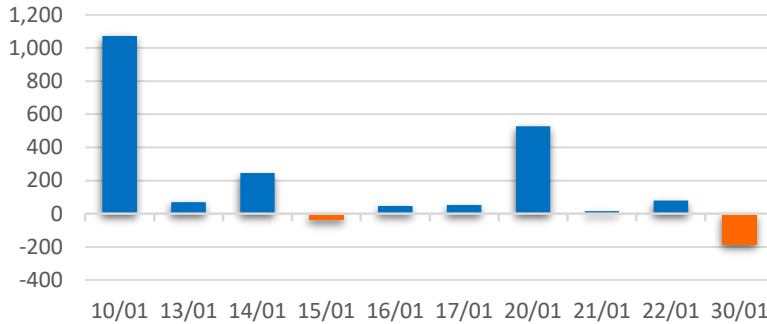
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

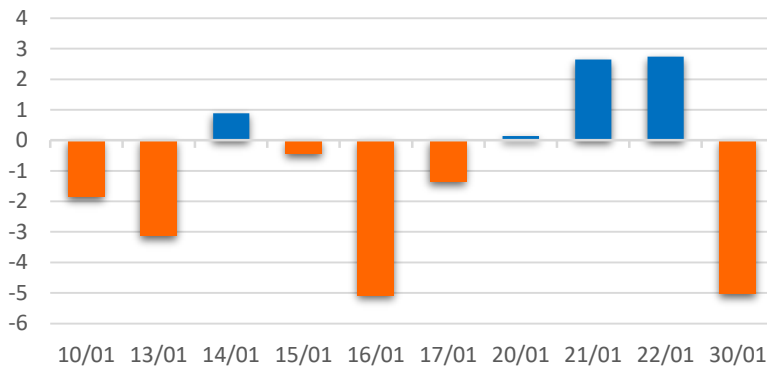
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HPG	58,114	VNM	78,678
CTG	46,074	MSN	42,268
VHM	20,113	VJC	39,567
GAS	17,009	VCB	33,503
HDB	12,353	VIC	29,010

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

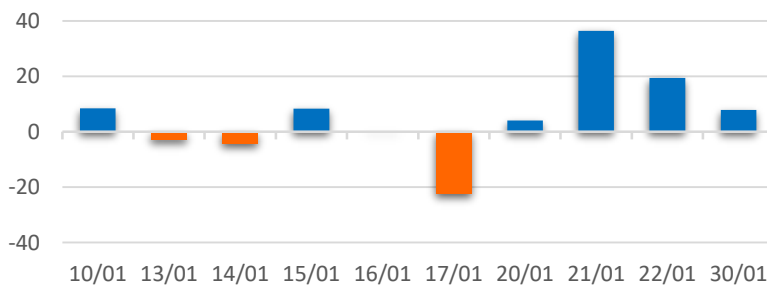
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	1,738	NDN	3,096
PVC	690	TNG	2,364
PVI	223	SHB	1,585
NRC	156	HUT	690
NBC	103	VCS	246

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
BSR	5,505	ACV	2,167
VEA	2,910	MCH	102
BCM	698	CTR	86
QNS	677	LTG	49
KHD	33	ABI	25

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



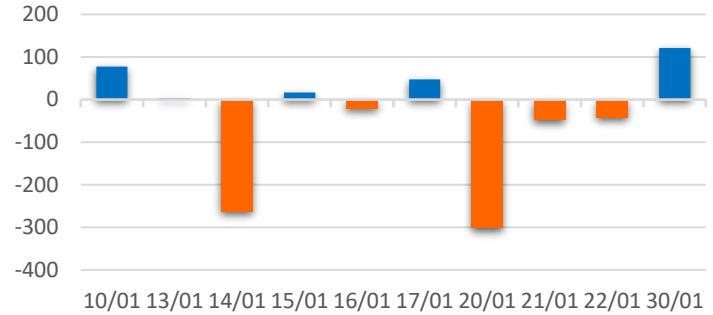
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

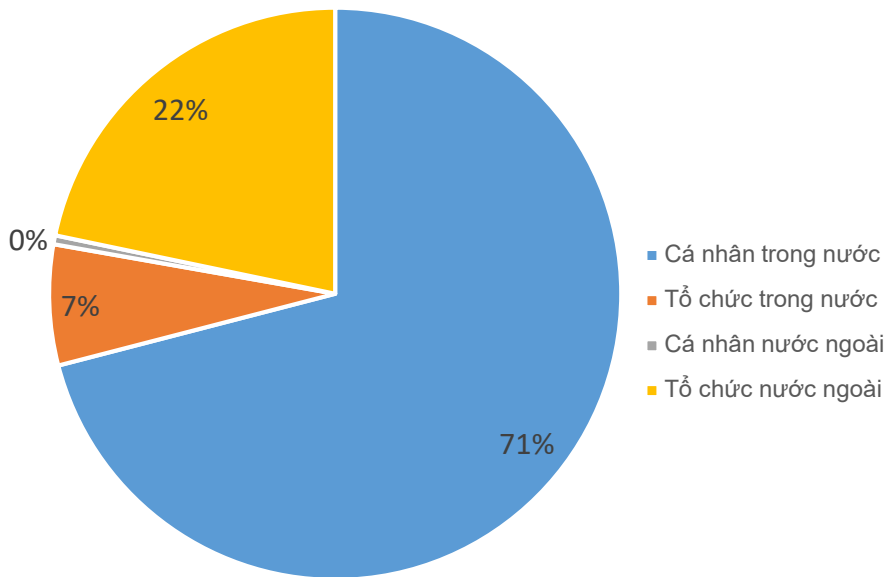
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	30,973	VPB	32,348
FPT	29,663	FPT	25,814
VNM	19,749	VHM	14,012
TCB	18,636	MWG	13,575
VPB	14,507	MBB	11,045

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

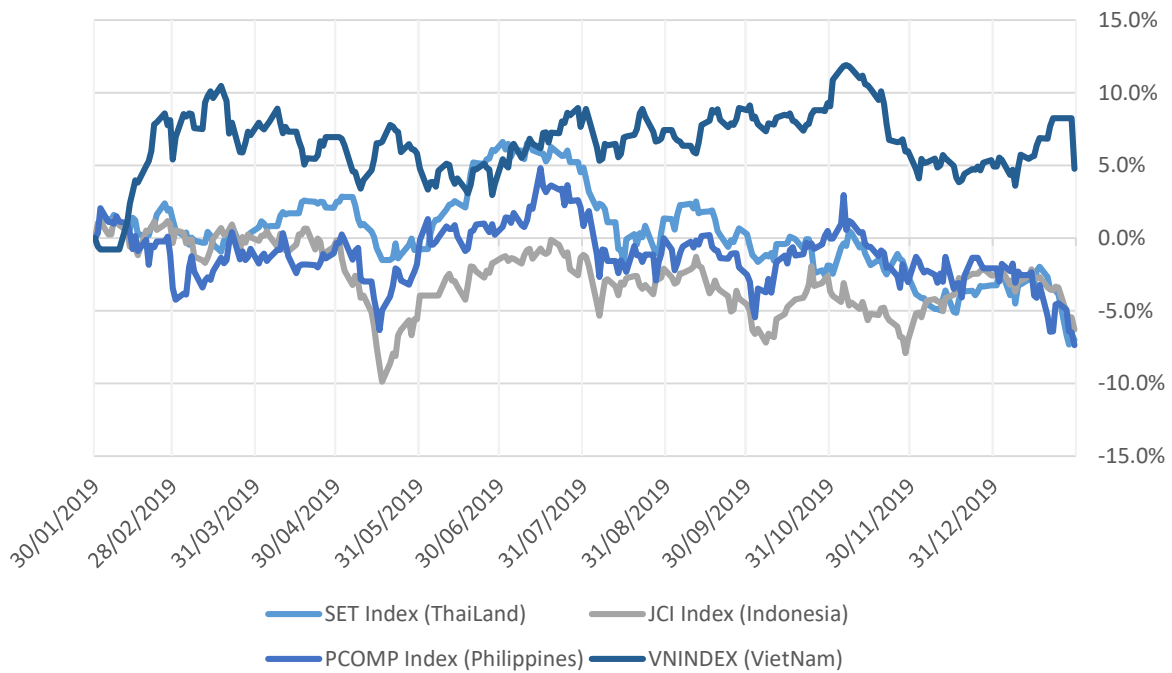


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

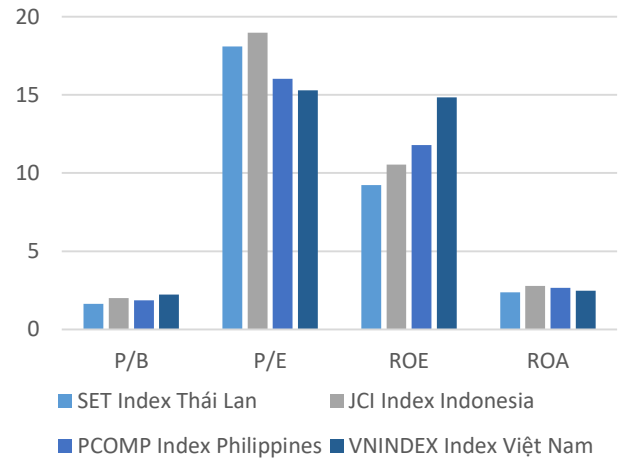
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.6x	2.0x	1.9x	2.2x
P/E		18.1x	19.0x	16.0x	15.3x
ROE	%	9.22	10.55	11.79	14.85
ROA	%	2.37	2.78	2.66	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	518.17	519.27	182.22	146.38
GTGD	Triệu USD	1.78	0.31	0.07	0.11
LS cổ tức	%	3.39	2.51	1.69	2.04

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Qué

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written